

Giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nông dân - Giải pháp quan trọng để ổn định chính trị - xã hội vùng Tây Nam bộ

TS. Hoàng Thị Ngọc Loan^(*)

Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) của Đảng về vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn khẳng định: "Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp CNH, HĐH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước"⁽¹⁾. Người dân nông thôn là chủ thể, động lực của các quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn. Do đó, việc làm đem lại thu nhập đảm bảo cuộc sống ổn định cho người dân nông thôn có ảnh hưởng rất lớn tới các mục tiêu tăng trưởng và phát triển, thực hiện công bằng xã hội ở khu vực nông thôn, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa nông thôn và thành thị. Các tệ nạn xã hội, tình trạng mất ổn định chính trị - xã hội ở một số địa phương

phần lớn xuất phát từ tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm, đời sống khó khăn của các hộ dân, đặc biệt là những hộ dân bị thu hồi đất do quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa (CNH, ĐTH). Vì vậy, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân nông thôn phải được coi là vấn đề trọng tâm trong giải quyết các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội nói chung và vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn nói riêng trong giai đoạn đẩy mạnh CNH, ĐTH của vùng Tây Nam bộ cũng như của cả nước.

Bên cạnh đó, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông thôn cũng chính là một trong các nội dung thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế kết hợp với công bằng xã hội trong từng bước phát triển trên địa bàn nông thôn vùng Tây Nam bộ. Quá trình đổi mới, phát triển kinh tế thị trường ở vùng Tây Nam bộ trong thời gian qua, bên cạnh những tác động tích cực tới quá trình phát triển nông thôn, cũng đang làm nảy sinh những hệ lụy, dẫn đến những xung đột ngay tại nông thôn, đặc biệt là về sinh kế và quyền tự chủ của người bị thu hồi đất cho việc xây dựng các khu công nghiệp (KCN), khu đô thị. Thách

^(*) Học viện Chính trị khu vực II, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

⁽¹⁾ ĐCSVN, *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy BCH TƯ khóa X*, Nxb CTQG, HN. 2008, tr.123-124

thức lớn nhất là việc làm cho lao động nông nghiệp. Nếu người dân không tìm được việc làm, thu nhập giảm sút sẽ kéo theo sự suy giảm tăng trưởng ở khu vực nông thôn. Bên cạnh đó, quá trình phân hóa giàu nghèo ở nông thôn diễn ra với tốc độ nhanh giữa những người có thu nhập tăng lên nhanh chóng nhờ tranh thủ được các cơ hội do quá trình CNH, ĐTH và phát triển kinh tế thị trường đem lại, hưởng lợi từ sự biến động giá đất... với những hộ dân không có được những cơ hội trên, không thích ứng kịp với cơ chế thị trường. Sự bất bình đẳng về thu nhập cũng diễn ra gay gắt giữa những hộ dân mất đất nông nghiệp (tư liệu sản xuất chính) không kiếm được việc làm với các doanh nghiệp sử dụng đất nông nghiệp thu hồi của nông dân. Sự bất bình đẳng trong việc thụ hưởng những thành quả của quá trình CNH, ĐTH sẽ ngày càng gia tăng khi những người nông dân bị thu hồi đất không có việc làm, rơi vào cảnh nghèo đói. Vì vậy, vấn đề giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, đặc biệt là những lao động bị thu hồi đất phải được xem là nội dung quan trọng trong việc thực hiện công bằng xã hội ở nông thôn, qua đó góp phần ổn định chính trị - xã hội.

Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) nhấn mạnh: "Giải quyết việc làm cho nông dân là nhiệm vụ ưu tiên xuyên suốt trong mọi chương trình phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; bảo đảm hài hòa giữa các vùng, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, giữa nông thôn và thành thị. Có kế hoạch cụ thể về đào tạo nghề và chính sách đảm bảo việc làm cho nông dân, nhất là ở các vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất"⁽¹⁾.

Để giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân nông thôn nhằm góp phần ổn định chính trị - xã hội vùng Tây Nam bộ, cần thực hiện các giải pháp cơ bản sau:

1. Phát triển mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa hiện đại trên cơ sở khai thác tối đa lợi thế của từng địa phương trong khu vực

Sản xuất nông nghiệp là ngành có rất nhiều ưu thế để phát triển ở vùng Tây Nam bộ, là nghề chủ đạo trong cơ cấu kinh tế nông thôn của vùng. Có thể khẳng định, trong thập kỷ tới, phát triển nông nghiệp nông thôn vẫn là bộ phận trọng yếu trong chiến lược phát triển bền vững ở nước ta nói chung và vùng Tây Nam bộ nói riêng. Sản xuất nông nghiệp là ngành giải quyết việc làm chủ yếu cho lao động nông thôn, phù hợp với năng lực của lao động nông thôn vùng Tây Nam bộ. Do đó, phát triển sản xuất nông nghiệp hiệu quả cao là giải pháp thiết thực để nâng cao đời sống người dân nông thôn, hạn chế tình trạng "bỏ ruộng lên thành phố" vốn đang rất phổ biến hiện nay. Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) của Đảng đã đưa ra mục tiêu tổng quát, trọng tâm trong việc giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là: "Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài"⁽²⁾. Trong điều kiện đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp để nhường chỗ cho công nghiệp và đô thị, sản xuất nông nghiệp phải được phát triển theo hướng hiệu quả, mang tính hàng hóa cao, nghĩa là nuôi hoặc trồng những loại cây, con có giá trị kinh tế cao, có khả năng tiêu thụ tốt, được tổ chức theo chuỗi giá trị hàng hóa nhằm thu được ngày càng nhiều hơn giá trị gia tăng của nông phẩm trên thị trường. **Để làm được điều đó cần:**

- **Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp trên cơ sở khai thác lợi thế của từng địa phương trong vùng.** Việc làm của lao động nông thôn chỉ có thể được giải quyết một cách căn bản nếu gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp

(1) và (2) ĐCSVN, *Sổđ*, tr.135 và 125-126

trên địa bàn nông thôn. Quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất các ngành nông nghiệp phải dựa trên điều kiện tự nhiên và xã hội, lợi thế của từng địa phương, từng khu vực nông thôn. Qua đó, xác định cơ cấu cây trồng, vật nuôi đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho người sản xuất. Chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp phải gắn chặt với quy hoạch của vùng. Trên cơ sở đó hình thành các vùng sản xuất tập trung chuyên canh nhằm tạo ra khối lượng hàng hóa lớn, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Theo qui hoạch chung của vùng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: "Phát triển vùng Đồng bằng Sông Cửu Long thành vùng trọng điểm về phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao; sản phẩm xuất khẩu chính của cả nước với hai mặt hàng chiến lược là lúa gạo và thủy sản; hình thành các khu, vùng chuyên canh sản xuất lớn ứng dụng công nghệ cao, gắn với việc phát triển nông thôn mới; tiếp tục chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo định hướng của thị trường. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp tăng bình quân 5,2%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và tăng 4,9%/năm giai đoạn 2016 - 2020"⁽¹⁾.

- *Đẩy mạnh CNH, HĐH, ứng dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới trong sản xuất nông sản hàng hóa nhằm tăng năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân.* Cần hình thành chuỗi giá trị sản xuất - kinh doanh lúa gạo, thủy sản; có sự liên kết, phối hợp của các doanh nghiệp với nông dân nhằm tạo ra qui trình sản xuất tiêu thụ nông sản khép kín, giúp nông dân tăng thu nhập.

⁽¹⁾ Quyết định phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng Sông Cửu Long của Thủ tướng Chính phủ, ngày 19/07/2012, website chinhphu.gov.vn

- *Phát triển và nhân rộng các mô hình sản xuất "nông nghiệp công nghệ cao".* Nông nghiệp công nghệ cao đang và sẽ là lộ trình tất yếu của phát triển sản xuất nông nghiệp. Nền nông nghiệp chủ yếu dựa vào tài nguyên, sự cần cù của nông dân và sản xuất theo phương pháp truyền thống sẽ được thay thế bởi một nền nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất bền vững, thân thiện với môi trường, trong đó khoa học - kỹ thuật, công nghệ cao, phương pháp tổ chức sản xuất tiên tiến, qui mô lớn phải là động lực phát triển. Chính vì vậy, phát triển nông nghiệp công nghệ cao được xem là giải pháp sống còn của ngành nông nghiệp Việt Nam nói chung và vùng Tây Nam bộ nói riêng trong tiến trình mở cửa hội nhập với khu vực và thế giới. Để thực hiện được các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, cần xây dựng được đội ngũ nông dân có trình độ thâm canh cao, có nhận thức tốt về thị trường hàng nông sản, đặc biệt là phải biết liên doanh, liên kết trong sản xuất hàng hóa. Bên cạnh đó, Chính phủ cần có một số chính sách ưu tiên cho các doanh nghiệp, hộ nông dân ứng dụng mô hình nông nghiệp công nghệ cao, như chế độ ưu đãi về cơ sở hạ tầng, thuế, giá thuê đất, vốn vay và lãi suất ưu đãi...

- *Đổi mới phương thức tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển kinh tế nhiều thành phần gắn với chuyên môn hóa và tập trung hóa cao.* Hiện nay, kinh tế hộ đã phát triển tới giới hạn. Kinh tế hàng hóa đòi hỏi phải tích tụ tập trung sản xuất nhằm tạo ra qui mô sản xuất lớn. Do vậy, cần vận động nông dân liên kết sản xuất để tạo ra vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Đây chính là cơ sở để phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã mới trên nguyên tắc tự nguyện và cùng có lợi. Những mô hình sản xuất mới, như mô hình cánh đồng mẫu lớn, các doanh nghiệp nông nghiệp (sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản) cũng cần được nghiên cứu nhân rộng ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

- *Phát triển thị trường tiêu thụ hàng nông*

sản cho nông dân. Thị trường đầu ra có ý nghĩa rất quan trọng đối với sản xuất nông sản hàng hóa, nếu không nói là yếu tố quyết định. Sự ổn định của thị trường đầu ra giúp nông dân khắc phục được tình trạng trồng rồi chặt theo sự lên xuống của giá cả trên thị trường. Những vấn đề về thị trường, như quảng bá thương hiệu, xây dựng thương hiệu, thông tin thị trường, kết nối với thị trường nước ngoài... thì bản thân người nông dân khó có thể làm được do hạn chế về năng lực, trình độ học vấn... Vì vậy, cần có sự hỗ trợ của chính quyền và doanh nghiệp. Cần đẩy mạnh liên kết 4 nhà theo Nghị định 80/2008 của Thủ tướng Chính phủ về ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp và nông dân. Để sự liên kết này thành công, cần có cơ chế chia sẻ lợi ích rõ ràng giữa các bên tham gia hợp đồng trên cơ sở tương trợ lẫn nhau và cùng chịu trách nhiệm.

- *Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản.* Bất cứ nền nông nghiệp thương phẩm nào cũng không thể phát triển ổn định và có hiệu quả nếu thiếu sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến nông sản. Đó là yêu cầu tất yếu khách quan, xuất phát từ những đặc thù riêng của hàng nông sản và từ chính thực tiễn phát triển sản xuất nông sản hàng hóa trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam nói chung và vùng Tây Nam bộ nói riêng:

Thứ nhất, phát triển công nghiệp chế biến sẽ góp phần giải quyết tình trạng mất cân đối cung - cầu khi vào vụ thu hoạch. Bởi vì, công nghiệp chế biến nông sản có thể tiêu thụ phần rất lớn nguyên liệu là các sản phẩm nông sản thô và đáp ứng được nhu cầu về các sản phẩm này của dân cư ở các thời điểm khác trong năm. Từ đó, hạn chế được tình trạng "được mùa mất giá" trong sản xuất nông nghiệp ở vùng Tây Nam bộ và các vùng khác trong cả nước.

Thứ hai, với sự phát triển của khoa học - công nghệ hiện nay, công nghiệp chế biến

nông sản có thể tạo ra nhiều sản phẩm từ một nguyên liệu nông sản thô ban đầu, tạo ra các nhu cầu mới đối với các sản phẩm nông sản để mở rộng thị trường; đồng thời, hiệu quả sản xuất nông nghiệp và thu nhập của nông dân tăng cao hơn, do công nghiệp chế biến nông sản làm cho giá trị của các sản phẩm nông sản tăng lên rất nhiều so với các sản phẩm thô. Mặt khác, do yêu cầu kỹ thuật, công nghiệp chế biến nông sản đặt ra những tiêu chuẩn nhất định đối với nguyên liệu đầu vào, buộc người sản xuất phải quan tâm đến chất lượng hàng nông sản, từ đó, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm này trên thị trường.

Thứ ba, trong điều kiện hội nhập quốc tế, việc mở rộng thị trường cho các sản phẩm nông sản thô gặp rất nhiều khó khăn, vì phần lớn các sản phẩm này là đối tượng bảo trợ của các nước, đặc biệt là các nước phát triển, như Mỹ, EU, Nhật..., thông qua trợ giá nông sản và những quy định ngặt nghèo về vệ sinh an toàn thực phẩm. Hơn nữa, khoảng cách về trình độ sản xuất nông sản của các nước đang phát triển hiện nay ngày càng thu hẹp, nên cạnh tranh trên thị trường ngày càng trở nên gay gắt. Đầu tư chiều sâu để chế biến tinh, tạo ra các sản phẩm đa dạng với chất lượng cao, đồng đều là những vấn đề ngày càng trở nên quan trọng trong quá trình hội nhập.

Quá trình mở cửa hội nhập khu vực và thế giới cũng đang tạo điều kiện thuận lợi cho vùng Tây Nam bộ thu hút vốn đầu tư nước ngoài, kỹ thuật và công nghệ hiện đại vào phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản. Vấn đề quan trọng nhất hiện nay là phải đầu tư đổi mới, hiện đại hóa các cơ sở chế biến nông sản hiện có, đa dạng hóa sản phẩm chế biến với giá cả cạnh tranh và chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế, như hệ thống HACCP (Hazard Analysis & Critical Control Point: phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn) hoặc hệ thống chất lượng theo ISO.

Tự do hóa thương mại toàn cầu, các hàng rào thuế quan và phi thuế quan có thể được dỡ bỏ, nhưng các rào chắn về vệ sinh thực phẩm thì khó có thể vượt qua nếu hàng nông sản không được sản xuất, chế biến theo các tiêu chuẩn chất lượng trên. Do vậy, cần tập trung đổi mới trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ, chú trọng đến công nghệ chế biến sâu để làm ra các sản phẩm có sức cạnh tranh cao trên thị trường khu vực và thế giới.

Đi đôi với việc đầu tư nâng cấp, đổi mới và hiện đại hóa các cơ sở chế biến nông sản lớn được xây dựng ở các thành phố, đô thị, khu dân cư tập trung, cần đẩy mạnh phát triển các doanh nghiệp chế biến vừa và nhỏ, gắn với các vùng sản xuất nguyên liệu ở nông thôn. Việc phát triển các cơ sở chế biến này sẽ phù hợp với hình thức sản xuất nông nghiệp theo kiểu kinh tế hộ, trang trại ở vùng Tây Nam bộ. Với qui mô vừa và nhỏ nhưng kỹ thuật hiện đại, các cơ sở chế biến nông sản được xây dựng tại vùng sản xuất nguyên liệu sẽ giảm được chi phí và hao hụt trong bảo quản, vận chuyển nguyên liệu, đảm bảo được chất lượng của nguyên liệu và cả sản phẩm. Bên cạnh đó, các cơ sở này còn có thể sử dụng nguồn lao động nông nhân đang rất dư thừa ở nông thôn, góp phần giải quyết việc làm mang lại hiệu quả kinh tế cao cho xã hội.

2. Phát triển mạnh các ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn

Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp là một xu hướng tất yếu trong quá trình phát triển, đặc biệt trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực được xác định là nội dung quan trọng có tính chiến lược và đột phá trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn vùng Tây Nam bộ nhằm phát huy nguồn nhân lực (nguồn nội lực to lớn nhất) ở nông thôn cho tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, cải thiện đời sống người dân nông thôn. Vì vậy, đẩy mạnh phát triển các ngành

ngành phi nông nghiệp ngay trên địa bàn nông thôn các tỉnh vùng Tây Nam bộ là giải pháp quan trọng để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, rút lao động nông nghiệp sang các ngành công nghiệp và dịch vụ. Đây cũng là giải pháp khá phù hợp đối với lao động nông thôn vốn có trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật thấp. Các ngành sản xuất phi nông nghiệp ở địa bàn nông thôn thường có qui mô nhỏ, yêu cầu đối với nguồn lao động không cao, có thể tự đào tạo và học nghề theo kiểu truyền đạt kinh nghiệm sau thời gian ngắn. Điều này phù hợp với lao động nông thôn vùng Tây Nam bộ có trình độ lao động thấp, đa số là người dân tộc (Chăm, Khmer...) khó thích ứng với lao động công nghiệp có kỷ luật cao. Đồng thời, việc làm ở các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn nông thôn còn đáp ứng được nhu cầu "ly nông bất ly hương" của người dân. Do vậy, phát triển các hoạt động sản xuất phi nông nghiệp và thu hút đầu tư cho những hoạt động này có vai trò rất quan trọng để thúc đẩy việc làm ở khu vực nông thôn.

Đồng bằng Sông Cửu Long là nơi hội tụ của nhiều cộng đồng các dân tộc: Kinh, Hoa, Khmer, Chăm... Đây cũng là lý do khiến cho miền đất này có rất nhiều làng nghề truyền thống độc đáo. Vì vậy, cần có chính sách hỗ trợ để các làng nghề phát triển bền vững, góp phần tạo việc làm ở khu vực nông thôn.

Ngoài các ngành nghề truyền thống, các làng nghề, cần tập trung phát triển các cơ sở chế biến, sơ chế nông sản quy mô vừa và nhỏ, mở thêm các làng nghề mới, đa dạng hóa ngành nghề, tạo điều kiện hình thành cơ sở sản xuất - kinh doanh với nhiều qui mô khác nhau, nhiều loại hình sản xuất, đáp ứng nhu cầu thị trường, phù hợp với nguồn nguyên liệu, vốn, kỹ thuật của từng địa phương; tạo điều kiện cho những hộ dân có nguồn vốn hạn hẹp tự tạo việc làm, giảm tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn. Bên cạnh đó, cần có chính sách hỗ trợ các cơ sở sản xuất nhỏ về

vốn, công nghệ, thông tin thị trường... để các cơ sở này có thể phát triển sản xuất bền vững và hiệu quả.

Cần có cơ chế khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp và các ngành nghề khác ở nông thôn. Tổ chức liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp với các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn từ cung ứng vật tư đến thu mua, chế biến sản phẩm. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để mở rộng các dự án sản xuất - kinh doanh ở khu vực nông thôn nhằm thu hút nhiều lao động.

Khuyến khích và có chính sách hỗ trợ các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh. Qua đó, nâng cao thu nhập cho người lao động.

Bên cạnh các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn, cần đẩy mạnh phát triển dịch vụ, thương mại ở khu vực này. Các cơ sở dịch vụ, thương mại này phục vụ trực tiếp cho sản xuất và sinh hoạt tại địa bàn nông thôn, như cung cấp thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, phân bón, thuốc trừ sâu; nông cụ sản xuất; hàng tiêu dùng thiết yếu...

3. Nâng cao chất lượng lao động nông thôn

Giải pháp nâng cao chất lượng lao động nông thôn cần được nhấn mạnh trước tiên và thực hiện ở mức độ "đột phá". Bởi vì, trình độ văn hóa cũng như kỹ năng lao động của người dân nông thôn đóng vai trò quyết định trong việc chuyển dịch lao động sang khu vực phi nông nghiệp một cách bền vững. Đây là giải pháp quan trọng nhất để lao động nông thôn có thể trở thành nguồn nhân lực dồi dào

cho quá trình CNH, giải quyết được vấn đề "khủng hoảng cơ cấu" trong nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động của vùng Tây Nam bộ đến năm 2020. Giải pháp này nhấn mạnh tới việc tăng cường năng lực của người lao động nông thôn, nhằm đáp ứng nhu cầu công việc tại chỗ và nhu cầu di chuyển lao động nội bộ ngành, ra khỏi ngành và di chuyển giữa các vùng.

Để nâng cao chất lượng cho lao động nông thôn, cần **tập trung vào một số vấn đề** sau:

- *Mở rộng đào tạo nghề cho lao động nông thôn*

Giải pháp cấp bách và ưu tiên số một hiện nay là đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Họ cần có trình độ chuyên môn và cập nhật kiến thức để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước. Bên cạnh đó, lao động trẻ nông thôn hiện nay không chỉ thiếu kiến thức chuyên môn mà kiến thức xã hội, giao tiếp cộng đồng, phát triển bản thân còn nhiều khiếm khuyết. Ở họ, dạy nghề thôi chưa đủ mà cần đưa cả kỹ năng sống vào giảng dạy.

Những năm gần đây, công tác dạy nghề đã có nhiều tiến triển, nhiều lao động đã ý thức được việc học nghề và số người tham gia các khóa đào tạo tăng rõ rệt. Nhiều địa phương đã khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức đoàn thể dạy nghề cho lao động nông thôn, nhất là lứa tuổi thanh niên nhằm phát triển các nghề truyền thống. Nhờ đó, Đồng bằng Sông Cửu Long đã có 325 cơ sở dạy nghề (41% là cơ sở dạy nghề tư thục). Ngoài 27 trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, còn có 142 cơ sở khác là các trung tâm giới thiệu việc làm, trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên, các doanh nghiệp, các hội nghề nghiệp, làng nghề cũng tham gia dạy nghề⁽¹⁾.

Cần tiếp tục mở rộng mạng lưới dạy nghề theo hướng xã hội hóa, đặc biệt là ở

(1) <http://www.baomoi.com/Nang-cao-chat-luong-giao-duc-vung-Dong-bang-song-Cuu-Long/59/6329963.epi>

các vùng nông thôn, vùng xa; khắc phục tình trạng mất cân đối trong sự phát triển các cơ sở đào tạo nghề giữa các khu vực trong vùng. Việc mở rộng các cơ sở dạy nghề phải được thực hiện trên nguyên tắc bám sát nhu cầu lao động và định hướng chuyển dịch cơ cấu lao động của cả vùng. Cần khuyến khích hình thức dạy nghề tại chỗ cho lao động nông thôn theo hướng người đi trước truyền nghề cho người đi sau. Phương pháp này vừa tiết kiệm được thời gian, kinh phí đào tạo, vừa phù hợp với trình độ của lao động nông thôn. Dạy nghề và tư vấn hướng dẫn nông dân để phát triển các hoạt động dịch vụ tại chỗ.

- Nâng cao chất lượng đào tạo nghề

Hiệu quả của các chương trình đào tạo nghề không nằm ở số lượng người học mà chính là chất lượng lao động của người học sau khi tốt nghiệp. Có một thực trạng là rất nhiều lao động có bằng cấp, chứng chỉ học nghề nhưng khi làm việc lại không biết nghề; các doanh nghiệp sử dụng lao động thường phải đào tạo lại theo yêu cầu công việc. Nội dung đào tạo của nhiều cơ sở dạy nghề đã quá lạc hậu, không theo kịp sự phát triển của các ngành mà cơ sở đó đào tạo. Do vậy, cần đổi mới phương pháp đào tạo, nội dung đào tạo về chương trình, về rèn luyện kỹ năng cho người học sát với thực tế sử dụng lao động trong nền kinh tế. Bên cạnh đó, cần tranh thủ sự trợ giúp của Nhà nước và các nguồn lực xã hội khác để đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy nghề hợp lý theo hướng đồng bộ hóa, hiện đại hóa gắn với thực tiễn.

Chất lượng đào tạo nghề còn phụ thuộc rất lớn vào trình độ của đội ngũ giáo viên. Do vậy, cần chú trọng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ này, thường xuyên có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại để kịp thời cập nhật những kiến thức mới của ngành đào tạo.

- Gắn kết công tác đào tạo, các cơ sở đào tạo nghề với các doanh nghiệp sử dụng lao động

Sự liên kết giữa các cơ sở đào tạo nghề

và các đơn vị sử dụng lao động sẽ mang lại hiệu quả cao cho công tác đào tạo: (1) Cơ sở đào tạo nghề có được các đơn đặt hàng cho đầu ra của mình, đảm bảo việc làm cho người lao động sau khi học nghề; (2) Đào tạo nghề theo sát được nhu cầu thực tế trên thị trường lao động, có thông tin chính xác để định hướng phát triển các chương trình dạy nghề của cơ sở. Về phía doanh nghiệp, họ cũng tìm được nguồn lao động theo đúng nhu cầu, hạn chế được việc phải đào tạo lại nghề cho người lao động (tốn thời gian và kinh phí). Vì vậy, cần có chính sách khuyến khích các cơ sở dạy nghề thực hiện dạy nghề theo đơn đặt hàng, theo nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp trên địa bàn. Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia dạy nghề và liên kết với các cơ sở dạy nghề tổ chức dạy nghề gắn với giải quyết việc làm, với mục tiêu vừa đào tạo lao động cho doanh nghiệp mình, vừa cung ứng lao động có tay nghề cho thị trường lao động.

- Tăng cường sự quản lý của Nhà nước đối với công tác dạy nghề

Hiện nay, rất nhiều cơ sở đào tạo nghề được thành lập mới trong vùng Tây Nam bộ, đặc biệt là ở thành phố Cần Thơ, Rạch Giá (Kiên Giang), An Giang... Tuy nhiên, chất lượng đào tạo được thả nổi, không có sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan quản lý nhà nước và sự thiệt hại rơi vào các đối tượng học nghề. Trên thực tế, nhiều trung tâm dạy nghề chỉ thu tiền người học với mục đích cấp bằng, chứng chỉ nghề mà không cần đào tạo. Hiện tượng "bằng thật, học giả" theo dạng này cũng khá phổ biến. Vì vậy, cần tăng cường sự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực dạy nghề và các chương trình giáo dục, đào tạo khác. Nhà nước nên có những hướng dẫn các cơ sở dạy nghề thực hiện đào tạo theo yêu cầu thực tế của các doanh nghiệp trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra đánh giá chất lượng hoạt động của các cơ sở dạy nghề; yêu cầu các cơ sở đào tạo nghề xây dựng mục

tiêu, kế hoạch và chương trình đào tạo phù hợp, đảm bảo chất lượng đào tạo nghề cho người lao động.

Nhà nước cũng cần hỗ trợ các cơ sở đào tạo nghề thông tin về nhu cầu lao động trên thị trường lao động khu vực, nhu cầu thực tế về lao động của các doanh nghiệp trên cơ sở các chương trình điều tra, khảo sát và dự báo về tình hình nguồn lao động trên địa bàn khu vực và cả nước. Điều này sẽ giúp các cơ sở đào tạo nghề có căn cứ để xây dựng kế hoạch đào tạo cho phù hợp với nhu cầu thực tế của nền kinh tế.

Bên cạnh đó, việc nâng cao chất lượng lao động nông thôn còn cần có các giải pháp nâng cao thể lực, bảo vệ sức khỏe cho người lao động.

4. Giải pháp về tổ chức thị trường sức lao động

Phát triển thị trường lao động để lao động được xã hội hóa, người lao động được quyền tham gia trao đổi sức lao động trên thị trường theo quan hệ kinh tế thị trường. Tổ chức tốt thị trường sức lao động là giải pháp đẩy nhanh sự tiếp cận giữa người lao động và người sử dụng lao động, góp phần điều hòa quan hệ cung - cầu trên thị trường. Điều đó vừa đảm bảo lợi ích cho người lao động, vừa tạo động lực thúc đẩy nâng cao chất lượng đội ngũ lao động.

Thị trường lao động phát triển sẽ tạo sự kết nối, phối hợp hoạt động giữa các chủ thể để tạo chuỗi giá trị liên tục từ xây dựng sản phẩm hàng hóa sức lao động đến chuyển sức lao động từ nơi hình thành, đào tạo đến nơi sử dụng; đảm bảo sự cân đối, đồng bộ, ổn định cần thiết trong diễn biến các yếu tố, quan hệ trên thị trường sức lao động để hình thành các luồng dịch chuyển dân cư, lao động theo yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, dân cư, cơ cấu kinh tế của vùng.

Để phát triển thị trường lao động vùng Tây Nam bộ, cần *giải quyết một số vấn đề cơ bản* sau:

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động của các loại thị trường lao động đang tồn tại và phát huy giá trị tích cực trong thực hiện các nội dung phát triển kinh tế của vùng Tây Nam bộ; đồng thời, cần chú trọng đến tiềm năng phát triển các loại thị trường mới, đặc biệt là *thị trường xuất khẩu lao động* và thị trường dịch vụ cho đối tượng lao động nhập cư;

- Thực hiện sự can thiệp hợp lý, đúng quy luật và có hiệu quả của các địa phương trong vùng vào diễn biến thị trường nhằm nâng cao giá trị, vai trò tích cực của thị trường đối với sự phát triển vùng Tây Nam bộ;

- Xây dựng và triển khai dự án phát triển thị trường lao động vùng Tây Nam bộ nhằm điều tra, thống kê lao động và thiết lập hệ thống thông tin thị trường lao động trong nội bộ vùng. Điều này là cần thiết do hiện nay, thị trường lao động của các địa phương trong vùng chưa liên thông với nhau;

- Phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống dịch vụ việc làm. Để đảm bảo cho các trung tâm việc làm hoạt động hiệu quả thì mỗi trung tâm cần có mối liên hệ với các KCN, các doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo nghề và các địa phương nhằm nắm bắt thông tin đầy đủ, nhanh nhạy, đáng tin cậy về cung - cầu lao động, kịp thời đáp ứng nhu cầu cả hai bên. Nhà nước cũng cần có cơ chế kiểm tra, giám sát thường xuyên hoạt động của các trung tâm này để tránh tổn thất cho người lao động, đặc biệt là đối với các trung tâm giới thiệu xuất khẩu lao động ra nước ngoài;

- Xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường sức lao động phục vụ cho công tác quản lý thị trường để có cơ sở kịp thời điều chỉnh khi có những biến động trên thị trường; đồng thời, cung cấp thông tin cho các cơ sở dạy nghề, cho người sử dụng lao động và người lao động để các đối tượng này có thể ra những quyết định đúng và kịp thời phù hợp với lợi ích của mình □